

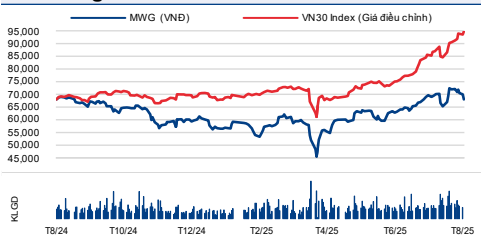
Mua vào

Giá mục tiêu: VND79,600
Tiềm năng tăng/giảm: 17.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/8/2025)	68,000
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-72,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	69,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	100,567
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,822
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,479
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	725
Slg CP NN được mua (tr.đv)	19.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	47.7%
Tỷ lệ freefloat	60.7%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	134,341	147,306	164,048
EBITDA đc (tỷ đồng)	6,997	8,169	8,736
LN TT (tỷ đồng)	4,826	7,038	8,450
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,722	5,484	6,620
FCF (tỷ đồng)	8,214	4,658	5,099
EPS ĐC (đồng)	2,546	3,724	4,415
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	18,993	21,595	24,833
T.trưởng EBITDA (%)	84.7	16.8	6.94
T.trưởng EPS ĐC (%)	2,121	46.3	18.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.55	5.33
Tỷ suất LN TT (%)	3.59	4.78	5.15
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.77	3.72	4.04
Tỷ lệ LN trả CT (%)	19.6	26.8	22.6
Nợ thuần/VCSH (%)	78.2	66.5	51.1
ROAE (%)	14.6	18.4	19.1
ROACE (%)	14.2	19.0	19.0
EV/doanh thu (lần)	0.90	0.83	0.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.3	14.9	13.9
P/E ĐC (lần)	26.7	18.3	15.4
P/B (lần)	3.58	3.15	2.74
Lợi suất cổ tức (%)	0.74	1.47	1.47

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Tháng 7/2025: Doanh thu vững chắc, vượt dự báo

- Doanh thu tháng 7 của MWG đạt 12,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, nhờ động lực tăng trưởng từ các chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX và Bách Hóa Xanh. BLĐ kỳ vọng MWG sẽ đạt mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2025 là 4,95 nghìn tỷ đồng vào tháng 10 (trong khi dự báo của chúng tôi là tháng 11).
- Đối với chuỗi điện máy TGDĐ & ĐMX, BLĐ tự tin doanh thu nửa cuối năm 2025 sẽ tăng 15-16% so với cùng kỳ. Trong khi đó, BLĐ tăng 20% mục tiêu LN ST năm 2025 của chuỗi tạp hóa BHX lên 600 tỷ đồng, cao hơn so với dự báo hiện tại của HSC ở mức 512 tỷ đồng.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 3 tháng qua, MWG hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,8 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 19,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Những thông tin chính tại buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích Q2/2025

HSC đã tham gia buổi gặp gỡ nhà phân tích Q2/2025 của MWG vào ngày 19/8/2025. Dưới đây là những thông tin đáng chú ý.

Doanh thu tháng 7: Vững chắc ở tất cả các mảng kinh doanh

Tại buổi gặp, MWG đã công bố doanh thu hợp nhất tháng 7 đạt 12,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, nhờ động lực tăng trưởng từ các chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX và Bách Hóa Xanh.

Chuỗi điện thoại điện máy TGDĐ/ĐMX đạt doanh thu thuần 8,7 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và tăng 3% so với tháng trước, và cao hơn dự báo của HSC ở mức 8 nghìn tỷ đồng, nhờ KQKD tích cực của cả hai mảng kinh doanh điện thoại di động và điện máy. Doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng 12%, bù đắp cho việc giảm số lượng cửa hàng (3.038 cửa hàng vào cuối tháng 6, giảm khoảng 100 cửa hàng so với cùng kỳ).

Doanh thu thuần của chuỗi tạp hóa Bách Hóa Xanh đạt 3,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và tăng 4% so với tháng trước, sát với dự báo của chúng tôi. Doanh thu trên mỗi cửa hàng có cải thiện hơn so với tháng 6 và BLĐ kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong tháng 8. Tính từ đầu năm đến nay, chuỗi này mở thêm 420 cửa hàng mới, cao hơn kế hoạch ban đầu của Công ty là 200-400 cửa hàng. BLĐ cho biết, mặc dù mở rộng hệ thống cửa hàng một cách nhanh chóng, nhưng khả năng sinh lời của Bách Hóa Xanh không bị suy giảm. Các cửa hàng mới đã tạo ra tổng lợi nhuận hoạt động dương. Hiệu quả hoạt động đã được cải thiện, với chi phí cửa hàng, vốn đầu tư và chi phí logistics thấp hơn (chiếm 3% doanh thu so với 5% trước đây).

BLĐ tái khẳng định tự tin vào triển vọng

BLĐ kỳ vọng MWG sẽ hoàn thành mục tiêu lợi nhuận thuần 4,95 nghìn tỷ đồng cho cả năm 2025 vào tháng 10, sớm hơn một tháng so với kỳ vọng của chúng tôi. Đối với chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX, BLĐ tự tin rằng chuỗi có thể duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu 15-16% so với cùng kỳ trong nửa cuối năm 2025. Chuỗi đã chuyển đổi từ chiến lược cạnh tranh về giá sang nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi và cung cấp giá trị trọn đời cho khách hàng. Trong 5 năm tới, chuỗi TGDĐ & ĐMX đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu trên hai con số, với lợi nhuận tăng nhanh hơn nữa.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/8.

(Xem tiếp trang 2)

Đối với chuỗi Bách Hóa Xanh, BLĐ đặt mục tiêu LNST cho cả năm trên 600 tỷ đồng, cao hơn mục tiêu ban đầu là 500 tỷ đồng và kỳ vọng của HSC ở mức 512 tỷ đồng. Bách Hóa Xanh có kế hoạch mở thêm 200 cửa hàng trong nửa cuối năm 2025, tất cả đều từ tỉnh Thanh Hóa trở vào miền Nam. Từ năm 2026, BLĐ sẽ đẩy nhanh việc mở rộng hệ thống cửa hàng, có thể mở 1.000 cửa hàng mới mỗi năm và thâm nhập thị trường miền Bắc.

Để đạt được mục tiêu doanh thu dài hạn là 10 tỷ USD (260 nghìn tỷ đồng), Bách Hóa Xanh sẽ cần triển khai nhiều mô hình cửa hàng khác nhau. Khi mô hình tiêu chuẩn đã ổn định, Công ty có thể sẽ xem xét các mô hình cửa hàng khác. Song song đó, việc phát triển kênh bán hàng online cũng sẽ là ưu tiên chiến lược của MWG.

Đáng chú ý, MWG vẫn quyết tâm theo đuổi tham vọng IPO Bách Hóa Xanh vào năm 2028. Để làm được điều này, lợi nhuận của chuỗi phải lớn đủ để bù đắp tất cả các khoản lỗ lũy kế (ước tính khoảng 8,6 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 30/6/2025), đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí cửa hàng và logistics, đồng thời thúc đẩy việc tối ưu hóa chi phí và cải thiện hiệu quả kinh doanh của các nhà cung cấp thông qua văn hóa “familyship”.

Các chuỗi khác

Chuỗi Era Blue tại Indonesia tiếp tục mở rộng ổn định, với 120 cửa hàng đang hoạt động – tất cả đều có lãi. BLĐ tái khẳng định mục tiêu đạt 150 cửa hàng vào cuối năm. Trong trung hạn, MWG đặt mục tiêu 500 cửa hàng, để chuẩn bị cho kế hoạch IPO công ty. Chuỗi Ava Kids đạt lợi nhuận 13 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025 và việc mở rộng cửa hàng sẽ được tiến hành một cách có chọn lọc. Công ty áp dụng chiến lược tận dụng mạng lưới cửa hàng và logistics của MWG để hỗ trợ kênh bán hàng online của chuỗi, vốn đã đóng góp hơn 50% doanh thu.

Chuỗi nhà thuốc An Khang vẫn đang thua lỗ nhưng đang cho thấy sự cải thiện ổn định, với khoản lỗ hàng tháng đang thu hẹp.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 3 tháng qua, MWG hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,8 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 19,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,280	134,341	147,306	164,048	182,571
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	29,742	33,501	37,688
Chi phí BH&QL	(22,114)	(23,416)	(24,004)	(26,838)	(30,156)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(44.6)	18.6	69.1	142
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(328)	(401)	(131)	0	0
LNTT	690	4,826	7,038	8,450	9,673
Chi phí thuế TNDN	(522)	(1,092)	(1,528)	(1,788)	(2,018)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.16)	(11.4)	(25.6)	(42.4)	(55.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	168	3,722	5,484	6,620	7,600
Lợi nhuận thuần ĐC	168	3,722	5,484	6,620	7,600
EBITDA ĐC	3,788	6,997	8,169	8,736	9,313
EPS (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
EPS ĐC (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
DPS (đồng)	0	500	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,463	1,462	1,472	1,499	1,522
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	32,524	36,524	40,524
Phải thu khách hàng	5,159	8,764	9,648	9,955	11,295
Hàng tồn kho	21,824	22,245	23,565	25,075	26,745
Các tài sản ngắn hạn khác	661	544	583	641	705
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	72,481	80,555	90,456
TSCĐ hữu hình	6,431	3,523	2,248	1,453	987
TSCĐ vô hình	68.8	63.5	63.9	64.2	64.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	460	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	287	242	245	245	245
Tài sản dài hạn khác	914	616	794	817	864
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	3,351	2,579	2,161
Tổng cộng tài sản	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
Nợ ngắn hạn	19,129	27,300	27,300	27,300	28,300
Phải trả người bán	7,927	9,138	10,076	11,270	12,591
Nợ ngắn hạn khác	3,199	5,034	5,439	6,084	6,797
Tổng nợ ngắn hạn	30,762	42,097	43,505	45,425	48,550
Nợ dài hạn	5,985	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.17	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	43,505	45,425	48,550
Vốn chủ sở hữu	23,346	27,758	31,937	37,278	43,579
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.4	364	390	432	487
Tổng vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	32,327	37,710	44,066
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
BVPS (đ)	15,964	18,993	21,595	24,833	28,602
Nợ thuần/(tiền mặt)	19,748	21,603	21,141	18,941	17,114

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Khấu hao	(3,381)	(2,913)	(2,432)	(2,074)	(1,781)
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Thuế TNDN đã nộp	(862)	(959)	(1,583)	(1,858)	(2,096)
Thay đổi vốn lưu động	1,836	3,224	155	45.2	51.2
Khác	(1,937)	(1,932)	(2,339)	(2,265)	(2,476)
LCT thuần từ HKKD	3,436	8,517	5,815	6,377	6,792
Đầu tư TS dài hạn	(523)	(304)	(1,157)	(1,278)	(1,315)
Góp vốn & đầu tư	(34,257)	(46,828)	(5,003)	(4,000)	(5,000)
Thanh lý	22,836	33,813	0	0	0
Khác	1,113	2,376	2,112	2,380	2,648
LCT thuần từ HĐĐT	(10,831)	(10,943)	(4,048)	(2,898)	(3,667)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(731)	(1,479)	(1,501)	(1,524)
Thu từ phát hành CP	(9.34)	1,762	174	222	225
Tăng/giảm nợ	8,440	1,726	0	0	1,000
Khác	-	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,700	2,757	(1,304)	(1,279)	(298)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,061	5,366	5,697	6,160	8,360
LCT thuần trong kỳ	304	332	462	2,200	2,826
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Dòng tiền tự do	2,913	8,214	4,658	5,099	5,477

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.0	20.5	20.2	20.4	20.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.20	5.21	5.55	5.33	5.10
Tỷ suất LNT (%)	0.14	2.77	3.72	4.04	4.16
Thuế TNDN hiện hành (%)	75.7	22.6	21.7	21.2	20.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(11.3)	13.6	9.65	11.4	11.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(63.0)	84.7	16.8	6.94	6.60
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(95.9)	2,120	47.3	20.7	14.8
Tăng trưởng EPS (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	19.6	26.8	22.6	20.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.71	14.6	18.4	19.1	18.8
ROACE (%)	1.38	14.2	19.0	19.0	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.04	2.06	2.02	2.06	2.08
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	8.44	2.09	1.01	0.96	0.90
Số ngày tồn kho	83.2	76.0	73.2	70.1	67.4
Số ngày phải thu	19.7	29.9	30.0	27.8	28.5
Số ngày phải trả	30.2	31.2	31.3	31.5	31.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	85.0	78.2	66.5	51.1	39.6
Nợ/tài sản (%)	41.9	39.0	36.1	33.0	30.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	6.65	3.91	3.35	3.14	3.05
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.69	1.56	1.67	1.77	1.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.01	0.90	0.83	0.74	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	31.5	17.3	14.9	13.9	13.0
P/E (lần)	593	26.7	18.3	15.4	13.6
P/E ĐC (lần)	593	26.7	18.3	15.4	13.6
P/B (lần)	4.26	3.58	3.15	2.74	2.38
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.74	1.47	1.47	1.47

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn